

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 161/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23/02/2021 về việc “Ly hôn” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị A, sinh năm 1984;

Địa chỉ nơi cư trú: 567/17 C, Khu phố 4, phường D, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1977;

Địa chỉ nơi cư trú: 567/17 C, Khu phố 4, phường D, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Trần Thị A và ông Phạm Văn B;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị A và ông Phạm Văn B thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự có hiệu lực thì Giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh G cấp ngày 18/7/2006 không còn giá trị pháp lý.

2.2 Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Ngọc Anh I, sinh ngày 06/10/2007 và Phạm Ngọc Hải K, sinh ngày 29/7/2012. Giao con chung Phạm Ngọc Hải K cho bà A nuôi dưỡng và giao con Phạm Ngọc Anh I cho ông B nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà A, ông B cho đến khi các bên có yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Bà Trần Thị A tự nguyện chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng. Bà A đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0106103 cấp ngày 23/02/2021 của Chi Cục thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà A số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 12;
- Các đương sự;
- UBND xã E, huyện F, tỉnh G;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Nga